dēng tǎ

灯塔

noun · lighthouse

Example Sentences

hǎi biān de dēng tǎ wèi chuán zhī zhǐ yǐn fāng xiàng
海 边 的 灯 塔 为 船 只 指 引 方 向 。

The lighthouse by the sea guides ships.

nà zuò dēng tǎ yǐ jīng yǒu yī bǎi nián de lì shǐ le
那 座 灯 塔 已 经 有 一 百 年 的 历 史 了 。

That lighthouse has a history of one hundred years.

Trace each character, then write the word on your own.

灯 灯 灯 灯 灯 灯 灯 灯 灯

塔 塔 塔 塔 塔 塔 塔 塔 塔 塔 塔

塔 塔 塔 塔